

Bản án số: 154 /2018/HS-PT

Ngày: 14/8/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Hùng.

Bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2018/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*** Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Hữu Th (Th Chắt)** sinh năm: 1982; trú tại: SN 333 L, P. B, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Hoàng Thị T (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; tiền án: ngày 16/4/2013 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm, phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, ngày 07/3/2016 bị TAND Thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 24/10/2017; có mặt.

*** Bị hại không kháng cáo:** Chị: Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: SN 529 phố B, P. Đ, thành phố Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 3/2017, Nguyễn Hữu Th mượn xe máy hiệu Future BKS 36B3-326.22 của anh Trần Quốc H nói để đi có việc, sau đó nhờ người quen là Kh (hiện không xác định được lai lịch) dẫn lên nhà chị Nguyễn Thị T cầm cố lấy số tiền 5.000.000đ. Ngày 19/5/2017, Th điện thoại cho Bùi Tuấn A, bảo Tuấn A mang chứng minh nhân dân lên nhà chị Thanh viết lại giấy cầm cố để lấy thêm tiền, Tuấn A đồng ý. Th và Đặng Thanh T lên trước, Tuấn A lên sau, tại đây Tuấn A viết giấy cầm cố xe với chị T, để lại chứng minh nhân dân và chị T đưa thêm cho Th số tiền 5.000.000đ.

Ngày 12/6/2017 anh H biết xe máy của mình đã bị Th đem đi cầm cố ở nhà chị T nên rủ Nguyễn Trọng H, Nguyễn Khánh Đ đến gặp chị T để đòi xe, chị T không đồng ý, H và Đ chửi bới chị T, còn H đẩy chị T ngã sau đó sử dụng chìa khoá xe mang theo nổ máy và điều khiển xe về nhà.

Chiều tối ngày 13/6/2017, Th điện thoại cho H, biết việc H đã đến nhà chị T lấy xe máy nên điện thoại cho Tuấn A nói “Chiếc xe máy H đã lấy về rồi, em mang giấy cầm cố xe lên nhà T để xem nó giải quyết như thế nào”. Tuấn A mượn xe máy lên kiốt của chị T thì gặp Th và Nguyễn Hữu T, tại đây Th yêu cầu chị T cho chuộc xe, chị T nói với Th xe đã bị một nhóm thanh niên cướp chiều ngày hôm trước, đã báo công an chờ giải quyết, Th không đồng ý, chửi bới và đe dọa chị T phải tìm xe hoặc đền tiền bằng giá trị chiếc xe. Khi chị T gọi điện báo cáo Công an thì nhóm của Th bỏ về.

Khoảng 15h ngày 17/6/2017, Th, Tuấn A, Nguyễn Hữu T, Trịnh Xuân L và Nguyễn Thanh C đến gặp chị T ở Cơ sở tạm giữ người mù tại số 529 B, P. Đ, TP. Thanh Hóa tiếp tục đòi xe. Tại đây Th và Tuấn A chửi bới, yêu cầu chị T phải trả xe, chị T xin chờ cơ quan công an giải quyết nhưng Th và Tuấn A không đồng ý. Tuấn A cầm chai nước khoáng đập mạnh xuống bàn và dọa “Đ.M con này, giờ mày định thế nào”, do sợ nên chị T đã nhờ anh Phạm Văn H (là nhân viên của cơ sở tạm giữ) đi vay được 3.000.000đ, lúc này Th đã về trước nên chị T đưa số tiền 3.000.000đ cho Tuấn A. Tuấn A đưa số tiền 3000.000đ cho Nguyễn Hữu Th, Th cho Tuấn A 500.000đ.

Ngày 29/6/2017, Th gọi điện thoại cho chị T hẹn gặp vào chiều 30/6/2017 để giải quyết dứt điểm chiếc xe, Th nói với Tuấn A: “Mai lên chỗ con T lấy tiền, anh đã điện thoại cho nó rồi”, Tuấn A hỏi “lấy bao nhiêu”, Th nói “Lấy được bao nhiêu thì lấy”. Chiều ngày 30/6/2017, Tuấn A nhờ bạn Nguyễn Văn P chở đến gặp chị T ở SN 529 B để đòi tiền. Tuấn A yêu cầu chị T đưa thêm 6.000.000đ, đồng thời viết cho chị T một giấy bán xe máy hiệu Future BKS 36B3-326.22. Chị T đưa cho Tuấn A 3.000.000đ, số tiền còn lại xin khát vào ngày hôm sau. Tuấn A đồng ý và nhận tiền, khi đang viết giấy nhận tiền thì bị Công an đưa về trụ sở làm việc.

Đối với Đặng Thanh T, Nguyễn Hữu T, Trịnh Xuân L, Nguyễn Thanh C và Nguyễn Văn P là những người đi cùng Th và Tuấn A đến lấy tiền của chị Nguyễn Thị T, nhưng không biết động cơ, mục đích của Tuấn A và Th, không có hành động, lời nói đe dọa chị T, nên không có căn cứ xử lý.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Th đã bồi thường số tiền 3.000.000đ cho chị T. Chị T không yêu cầu gì thêm về phần dân sự, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th.

Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên các bị cáo Nguyễn Hữu Th; Bùi Tuấn A phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 135; điểm b; p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 và Điều 53 BLHS năm 1999 (Đối với Th).

Khoản 1 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 và 53 BLHS 1999 (Đối với bị cáo Tuấn A).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Th 39 (Ba chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 24 tháng 10 năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Tuấn A 27 (Hai bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18 tháng 11 năm 2017.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận phần dân sự đã tự giải quyết xong.

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 bị cáo Nguyễn Hữu Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do gia đình khó khăn, con còn nhỏ, thường xuyên đau ốm, bản thân bị cáo là lao động chính, hơn nữa mẹ của bị cáo có công với Nhà nước.

Tại phiên tòa bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo là xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích tính chất, nhân thân, hành vi phạm tội của bị cáo cũng như tình tiết mới được bổ sung tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ 02 tháng đến 03 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ khách quan toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của bị cáo được trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa xác nhận ngày 06/6/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên đơn kháng cáo của bị cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo để xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội*: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16h ngày 17/6/2017 tại số nhà 529, đường Bà Triệu, P. Đông Th, TP Thanh Hoá, Bùi Tuấn A và Nguyễn Hữu Th đã có hành vi đe dọa, dùng chai nước khoáng đập xuống bàn uy hiếp tinh thần của chị Nguyễn Thị T để chiếm đoạt số tiền 3000.000đ. Chiều ngày 30/6/2017 Th tiếp tục bảo Tuấn A đến SN 529 Bà Triệu, P. Đông Th, TP Thanh Hoá, đe dọa, ép buộc chị T phải đưa tiếp số tiền 6.000.000đ. Chị T đưa trước cho Tuấn A 3.000.000đ, còn lại 3.000.000đ xin khất vào ngày hôm sau. Khi Tuấn A đang viết giấy nhận tiền thì bị Công an phát hiện, bắt giữ.

Lời thừa nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa nên hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 (Đối với bị cáo Tuấn A) và khoản 2 (Đối với bị cáo Th) Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội bột phát, không có sự phân công vai trò, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên chỉ ở dạng đồng phạm giản đơn. Cấp sơ thẩm xác định tội danh và khung hình phạt cho các bị cáo như trên là chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Hữu Th*: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Đã thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, theo quy định tại các điểm b; p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS. Các tình tiết giảm nhẹ nói trên cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân bị cáo Th đã có tiền án, đã tái phạm, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 135 BLHS năm 1999 hơn nữa bị cáo hai lần đe dọa chị T để lấy tiền nên chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo đưa ra giấy tờ chứng minh mẹ bị cáo là thanh niên xung phong, được Nhà nước tặng thưởng kỷ niệm chương và người bị hại tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy tại cấp phúc thẩm có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên cần xem xét chấp nhận đơn kháng cáo để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của Nhà nước mà yên tâm cải tạo để sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là áp dụng Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Th, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Án phí hình sự phúc thẩm*: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Hữu Th, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 102/2018/HS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Th phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 135; điểm b; p khoản 1; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Th 36 (Ba sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2017.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND, THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Thành